TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 19/9/2020
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 3, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 77/2 đường N, tổ 2, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/06/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Xuân N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 08/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra xuất phát từ việc bà N tự ý lấy tiền chung của vợ chồng đưa cho mẹ đẻ không hỏi ý kiến ông, khi ông mời hai bên gia đình nói chuyện thì mẹ đẻ bà N bênh vợ, xúc phạm danh dự của ông và bảo ông làm đơn ly hôn vợ, từ đó ông không muốn qua lại với phía gia đình vợ nữa. Từ tháng 5 năm 2018 vợ chồng bắt đầu sống ly thân, đến tháng 12 năm 2018 ông đưa con trai lớn là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P về sống với ông tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P sinh ngày 15/02/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên H sinh ngày 06/6/2019, cháu P hiện đang sống với ông, cháu H hiện đang sống với bà N. Ông đang làm việc tại Ban quản lý chợ QNg thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng (có xác nhận của Ban quản lý chợ QNg). Hiện tại bà N ngày buôn bán ở chợ, đêm cũng phải đi làm tại chợ đêm nên không có đủ thời gian và điều kiện chăm sóc cả hai con. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P; giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông B và bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông B trình bày ông và bà N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B trình bày ông và bà N không có

** Tại Bản tự khai ngày 04/7/2020, Biên bản làm việc ngày 18/8/2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Xuân N trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của ông B về việc tìm hiểu, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Khoảng tháng 5 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân do ông B nghi ngờ bà dấu diếm tiền bạc vợ chồng đưa về phía cha mẹ vợ và ông B cho rằng cháu Thiên H không phải con đẻ của ông B. Bà

và ông B đã ly thân từ đó đến nay, vợ chồng bỏ rơi nhau, không ai quan tâm ai. Nay ông B xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà N và ông B đều là Đảng viên, công tác tại Ban quản lý chợ QNg, tổng thu nhập hàng tháng của bà là 9.600.000 đồng (có xác nhận của Ban quản lý chợ QNg), từ tháng 12/2018 ông B mang cháu P về phía nhà cha mẹ ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà trực tiếp nuôi cháu H tại nhà của cha mẹ bà. Bà vẫn thường xuyên thăm và quan tâm cháu P, cháu P sống cùng ông B phát triển tốt, vui vẻ, hoạt bát. Ông B cũng có làm việc vào ban đêm như bà, bà có thu nhập cao hơn nên bà yêu cầu Tòa án giao cháu P và cháu H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông B không có.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Xuân N chấp nhận ly hôn với ông Nguyễn Văn B, bà N cũng thừa nhận ông B đang nuôi cháu P phát triển tốt, cháu H hiện đang dưới 36 tháng tuổi, ông B có thu nhập ổn định để nuôi con, bà N có thu nhập không ổn định và không có đủ thời gian để nuôi hai con, về tài sản chung và nợ chung hai bên đương sự đều thống nhất nên kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tống đạt các văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Lê Thị Xuân N, giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P sinh ngày 15/02/2015 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên H sinh ngày 06/6/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông B và bà N không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Xuân N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố QNg vào ngày 08/8/2014 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân ông B, bà N thống nhất trình bày mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ tháng 5/2018 nên vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm ai, phần ai nấy sống. Ông B và bà N chưa có nhà riêng nên sau khi kết hôn có sinh sống ở nhà mẹ đẻ của ông B ở thôn A, xã N, huyện T và nhà cha mẹ đẻ của bà N tại số nhà 77/2 đường N, tổ 2, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Chính quyền địa phương tại phường T không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và mức độ mâu thuẫn do vợ chồng không báo với chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương xã N cũng không xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn và mức độ mâu thuẫn vợ chồng. Nay ông B khởi kiện xin ly hôn, bà N đồng ý ly hôn cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B đối với bà Lê Thị Xuân N.

[2] Xét về con chung: Ông B và bà N có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P sinh ngày 15/02/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên H sinh ngày 06/6/2019. Đối với cháu H, cháu là bé gái hiện nay dưới 36 tháng tuổi đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà của cha mẹ đẻ bà N, bà N có việc làm và có thu nhập hàng tháng đảm bảo để nuôi con, bà N trình bày trong trường hợp bà phải đi làm thì cha mẹ đẻ bà sẵn sàng hỗ trợ bà chăm cháu H, bà nhận nuôi cháu H, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, ông B yêu cầu giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu P, cháu là bé trai hiện nay hơn 05 tuổi, từ nhỏ cháu sống với cha mẹ nhưng do cha mẹ mâu thuẫn nên từ tháng 12/2018 đến nay ông B đã đưa cháu P về xã N sống cùng cha và gia đình phía nội. Ông B có việc làm và thu nhập hàng tháng (có xác nhận của Ban Quản lý chợ QNg) để nuôi con, ông B trình bày trường hợp ông B phải đi làm thì mẹ đẻ ông sẵn sàng hỗ trợ ông chăm cháu P, cháu

đang học mẫu giáo tại quê nội, bà N cũng thừa nhận cháu phát triển tốt vui vẻ, hoạt bát cho thấy ông B đang chăm sóc cháu tốt. Tuy ông B và bà N đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu P nhưng tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/8/2020 ông B và bà N đều thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho ông B trực tiếp nuôi, giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi, bà N không cấp dưỡng nuôi con, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, nhưng sau đó ông B thay đổi ý kiến do điều kiện kinh tế không đảm bảo, việc cấp dưỡng cho cháu H sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P nên ông đề nghị không cấp dưỡng nuôi cháu H, giữ nguyên yêu cầu ban đầu. Vì vậy, xét điều kiện nuôi con của ông B và bà N, quyền lợi về mọi mặt của cháu P thì ông B yêu cầu giao cháu P cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận để đảm bảo sự ổn định phát triển của cháu. Ông B, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ông B và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông B và bà N trình bày không có.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[6] Trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

2. Ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Lê Thị Xuân N.

3. Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 15/02/2015 cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên H, sinh ngày 06/6/2019 cho bà Lê Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B và bà N không cấp dưỡng nuôi con. Ông B, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông B đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0005031 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- UBNDp. Quảng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly